

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG

Bán án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23/7/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: 138/3A đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 4, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Thanh H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 138/3A đường Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 4, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H do quen biết, tìm hiểu nhau trước cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên vào ngày 13/09/2001, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H thường hay bạo hành nên mâu thuẫn gia đình kéo dài, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Mai Chí C, sinh ngày 19/12/1993 và Mai Ngọc T, sinh ngày 16/03/2004. Hiện nay cháu Mai Chí C đã trưởng thành, cháu Mai Ngọc T đang sống với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Mai Thanh H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, để ông H đến Tòa án giải quyết việc xin ly hôn của ông bà nhưng ông H vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông H. Về con chung: Bà T xin được nuôi cháu Mai Ngọc T, sinh ngày 16/03/2004 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông Mai Thanh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà T và ông H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Mai Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên nên bà Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Mai Thanh H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Thanh H.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Tt với ông Mai Thanh H là hôn nhân tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 13/9/2001 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau ông H thường hay bạo hành đánh vợ con và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Sau khi xem xét ý kiến của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng ông bà có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian này cả hai chỉ lo cuộc sống cá nhân mà không quan tâm đến nhau, để có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc bà T xin ly hôn với ông H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung tên Mai Chí C, sinh ngày 19/12/1993 và Mai Ngọc T, sinh ngày 16/03/2004. Hiện cháu C đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động, đối với cháu Mai Ngọc T thì bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án do Cháu T trên 7 tuổi nên Tòa án ghi nguyện vọng của cháu T và nguyện vọng của T là được sống với bà T. Nhận thấy trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu T do bà T dưỡng vẫn học hành tốt và phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như theo nguyện vọng của cháu T nên việc bà T xin được nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2004 nên được xem xét chấp nhận. Bên cạnh được quyền nuôi con thì bà T cùng các thành viên gia đình bà T không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T và ông Mai Thanh H được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Mai Thanh H.

[2] Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc T, sinh ngày 16/3/2004 cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T cùng các thành viên gia đình của bà T không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002665 ngày 13/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Mai Thanh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Bình;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền